TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 12/10/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU – TP CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Minh Dũng**;
2. Ông **Nguyễn Văn Minh**;

- Thư ký phiên toà: Ông **Huỳnh Minh Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số số: 508/2017/TLST–HNST ngày 02/8/2017 về việc "***Tranh chấp ly hôn"*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 898/2017/QĐST- HN ngày 01/9/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mỹ P**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 50 Lương Đình Của, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Thanh Cần** - Văn phòng luật sư Nguyễn Thanh Cần - Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **Trần T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 50 Lương Đình Của, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – bà P trình bày:

Bà và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1992, nhưng đến năm 2010 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng mà không có biện pháp giải quyết nên hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm không

còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nên bà yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 03 con chung là Trần Trung T (nam), sinh năm 1993 (Đã trưởng thành), Trần Trung T (nam), sinh năm 1995, Trần Minh T, sinh năm 2002, cháu T hiện giờ đang sống với bà nên bà có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

Về phía bị đơn – ông T: Xác định thời gian kết hôn như bà P trình bày. Trong thời gian chung sống ông thừa nhận còn nhiều thiếu sót đối với vợ con. Tuy nhiên thời gian gần đây ông rất muốn xây dựng lại hạnh phúc gia đình, vì còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên toà : Nguyên đơn vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn như đã trình bày trên vì cho rằng không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này.

Phía bị đơn ông T thừa nhận rằng mâu thuẫn chính yếu trong cuộc hôn nhân của ông là mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, bản thân ông cũng đã rất cố gắng để dung hòa mối quan hệ giữa hai bên nhưng dường như không mang lại kết quả gì. Nay tự cảm thấy không có biện pháp nào khắc phục mẫu thuẫn giữa vợ chồng. Tuy nhiên, theo ông thì chỉ vì lý do này mà bà P có đơn xin ly hôn với ông thì không thuyết phục. Về con chung, thì tùy vào nguyện vọng của con.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm bảo vệ cho nguyên đơn:

Qua trình bày của bà P và ông T cho thấy hôn nhân của ông bà thực sự có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm nay, phía ông T cũng thừa nhận là không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, phía bà P thì vẫn cương quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân của ông bà đã thực sự rạn nứt. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà P được ly hôn với ông T. Về con chung thì hiện cháu Trần Minh T là con dưới 18 tuổi, có bản tự khai thể hiện nguyện vọng được sống với mẹ nên đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu, giao con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà P và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: : Qua trình bày của các bên cho thấy giữa vợ chồng ông bà có sự bất đồng về quan điểm sống giữa các thế hệ trong gia đình, mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm mà không có biện pháp nào khắc phục, dung hòa dẫn đến rạn nứt tình cảm, vợ chồng không còn sự thương yêu, thông cảm cho nhau. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được biện pháp hàn gắn nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Hội đồng xét xử đã dành nhiều thời gian động viên phân tích đối với phía nguyên đơn nhằm hàn gắn mâu thuẫn giữa các bên nhưng bà P vẫn giữ thái độ cương quyết, cho thấy bà đã không còn tin tưởng và cuộc hôn nhân này, đời sống hôn nhân thực sự đã trầm trọng, có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

Xét quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về con chung: Cháu Trần Trung T (nam), sinh năm 1993 (Đã trưởng thành), Trần Trung T (nam), sinh năm 1995 (Đã trưởng thành), Trần Minh T, sinh năm 2002, cháu T hiện giờ đang sống với bà P nên bà có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu T cũng xác định tại bản tự khai là muốn sống chung với mẹ, nguyện vọng này của cháu là tự nguyện và chính đáng nên chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai xác định là không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Các Điều 56, 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Mỹ P đối với ông Trần T.

2/ *Về con chung*: Giao cháu Trần Minh T, sinh năm 2002 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

- Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

- Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông T theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

3/ *Tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà P phải chịu 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 004146 ngày 26/7/2017 thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND quận Ninh Kiều
- TAND TPCT
- THA
- UBND xã Ninh Quới, H. Hồng Dân, T. Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ